

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời, ông Nguyễn Công Hoan.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, Thông báo hoãn phiên tòa ngày 27/5/2021, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 15/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Cao Lan C**, sinh năm 1983; ĐKKHKT: Lô LK4.22 KDC B1, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú: Số 14/160 V, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thái B**, sinh năm 1980; ĐKKHKT và cư trú: Lô LK4.22 KDC B1, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị C, anh B đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị nguyên đơn chị Cao Lan C, thể hiện: Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Thái B được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H1, thành phố H ngày 24/3/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Vợ chồng ly thân từ 2019 đến nay mỗi người một nơi việc ai người ấy làm không ai quan tâm đến ai. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2020, chị đã làm đơn ly hôn anh B sau đó chị đã rút đơn về để cho anh B một cơ hội. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Hoàng; Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Cao D, sinh ngày 16/8/2004 và cháu Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 31/10/2008. Từ khi ly thân các cháu ở cùng anh

Hoàng, anh B có nguyện vọng được nuôi cả hai con, đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh B chăm sóc nuôi dưỡng; Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Thái B, đơn đề nghị, quan điểm của anh B thông qua người thân thể hiện: Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị C không muốn sống cùng anh. Đến nay, anh nhận thấy bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị C do vậy chị C xin ly hôn anh không đồng ý; Vợ chồng có 02 con chung thống nhất với ý kiến của chị C. Từ khi ly thân hai con ở cùng anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên.

Lời khai người thân hai bên gia đình chị C, anh B thể hiện: Chị C, anh B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Trường hợp chị C vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Người thân gia đình chị C đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu khi giao con. Người thân gia đình anh B đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh B chăm sóc nuôi dưỡng vì anh B lái xe có thu nhập và nhà cửa ổn định, từ khi chị C đi hai cháu vẫn ở cùng anh B, gia đình cũng hỗ trợ anh B trong việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên.

Tại văn bản trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Cao D và Nguyễn Tùng D1 thể hiện: Các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn.

Kết quả xác minh tại nơi anh B sinh sống thể hiện: Chị C, anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Lô LK4.22 KDC B1, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên hiện chỉ có anh B cùng hai con sinh sống tại địa chỉ trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Cao Lan C ly hôn anh Nguyễn Thái B; Về con chung: Đề nghị xử giao cho anh Nguyễn Thái B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Cao D, sinh ngày 16/8/2004 và cháu Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 31/10/2008 cho cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản; Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị buộc chị Cao Lan C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị C xin ly hôn anh B. Anh B hiện cư trú tại thành phố H. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị C, anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị C, anh B là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C và anh B được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H1, thành phố H ngày 24/3/2004. Do vậy, quan hệ hôn nhân của C và anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh B, anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Xác minh tại chính quyền địa phương, người thân hai bên gia đình chị C, anh B, thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên hòa giải. Như vậy thể hiện anh B không có thiện chí thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Mâu thuẫn của chị C, anh B đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Năm 2020, chị C đã làm đơn xin ly hôn anh B sau đó rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không cải thiện được. Hội đồng xét xử xét thấy chị C, anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị C ly hôn anh B là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2]. *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Cao D, sinh ngày 16/8/2004 và Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 31/10/2008. Hiện hai cháu đang ở cùng anh B và có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở cùng bố. Anh B xin nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con, chị C đồng ý. Người thân gia đình anh B cam kết tạo điều kiện và hỗ trợ anh B trong việc nuôi dưỡng các cháu. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho hai cháu cần tiếp tục giao cháu D và cháu D1 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị C được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Chị C, anh B đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. *Về án phí:* Chị C xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Lan C.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Cao Lan C ly hôn anh Nguyễn Thái B.

- *Về con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Cao D, sinh ngày 16/8/2004 và cháu Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 31/10/2008 cho anh Nguyễn Thái B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về án phí*: Chị Cao Lan C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005113 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị C đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Cao Lan C, anh Nguyễn Thái B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường H1, TP H, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 24/3/2004);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan